

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ VÀ SỐ LƯỢNG HỌC SINH , HỌC VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN NHÀ Ở VÀ GẠO

(Kèm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
1	Trường THPT Phạm Kiệt (389 học sinh)						302	87	2	33	936.000	360.000	15	9	3.276.936.000	1.153.440.000	52.515	
1	Phạm Thị Giáng	X	01/03/2010	10A1	Hrê	Thôn Ba Ha (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Đinh Văn Hiệp		06/11/2009	10A1	Hrê	Thôn Trường An (Xã Ba Thành), Xã Ba Động	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
3	Phạm Thị Hồng Loan	X	04/11/2010	10A1	Hrê	Thôn Mang Mu (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Phạm Thị Vân	X	27/03/2010	10A1	Hrê	Thôn Nước Xuyên (Xã Ba Vi), Xã Ba Vi		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Đinh Thị Phương Dung	X	05/07/2010	10A2	Hrê	Thôn K Rẫy (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Phạm Thị Quỳnh Dung	X	01/06/2010	10A2	Hrê	Thôn K'rên (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Phạm Văn Địa		10/10/2009	10A2	Hrê	Thôn Trường An (Xã Ba Thành), Xã Ba Động	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
8	Phạm Thị Giang	X	15/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Lãng (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Phạm Văn Hà		01/08/2009	10A2	Hrê	Thôn Nước Lầy (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Phạm Tấn Hải		25/11/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Măng (Xã Ba Dinh), Xã Ba Dinh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Phạm Thị Mỹ Hạnh	X	23/07/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Trui (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Phạm Văn Hăng		11/12/2010	10A2	Hrê	Thôn Ba Lãng (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Phạm Văn Hình		17/11/2010	10A2	Hrê	Thôn Làng Mạ (Xã Ba Tô), Xã Ba Tô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Phạm Thị Bích Huyền	X	11/01/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Lầy (Xã Ba Ngạc), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Phạm Thị Kinh	X	04/11/2010	10A2	Hrê	Thôn K Rẫy (Xã Ba Tiêu), Xã Ba Vi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Phạm Thị Mỹ Khuya	X	22/08/2010	10A2	Hrê	Thôn Nước Như (Xã Ba Xa), Xã Ba Xa	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
466	Hồ Sơn Trung		24/06/2008	12A5	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
467	Hồ Thị Thanh Vi	x	13/03/2008	12A5	Co	Thôn Trà Liên (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
468	Hồ Văn Hoài		24/02/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
469	Hồ Văn Nghệ		16/10/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
470	Hồ Văn Huy		20/02/2008	12A5	Co	Thôn Hà Riêng (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
471	Hồ Thị My	x	08/06/2008	12A5	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
472	Hồ Thanh Hoàng Sang		16/01/2008	12A5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Tây), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
473	Hồ Văn Thi		08/11/2008	12A5	Co	Thôn Đông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
474	Hồ Thị Thanh Xòe	x	31/03/2008	12A5	Xơ-đăng	Thôn Trà Kem (Xã Trà Xinh), Xã Tây Trà		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
475	Hồ Thị Thanh Luệ	x	07/08/2008	12A5	Xơ-đăng	Thôn Trà Kem (Xã Trà Xinh), Xã Tây Trà		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Trường THPT Trà Bồng 528 học sinh)						475	53	-	44	936.000	360.000	15	9	4.447.872.000	1.568.160.000	71.280	
1	Hồ Hoài Bằng		02/05/2010	10A2	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Hồ Anh Dũ		10/09/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
3	Hồ Thị Quỳnh Giao	x	10/04/2010	10A2	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Hồ Dong Gun		26/05/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
5	Hồ Gia Huy		23/01/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
6	Hồ Thái Khang		05/09/2010	10A2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Hồ Thị Ngọc Kim	x	20/07/2010	10A2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	Hồ Thị Bé Như	x	29/04/2010	10A2	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
9	Hồ Thị Kiều Oanh	x	20/11/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Hồ Văn Phước		15/01/2010	10A2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Hồ Hoàng Va Ro		26/09/2009	10A2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Hồ Thị Thảo	x	07/03/2010	10A2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Hồ Thị Trang	x	29/03/2009	10A2	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Hồ Thị Thy Ân	x	07/04/2010	10A3	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Lê Nguyễn Hải Nguyên		15/12/2010	10A3	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Hồ Na Sa	x	04/01/2010	10A3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Hồ Trí Anh		05/02/2010	10A4	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	Hồ Thị Kiều Châu	x	16/10/2010	10A4	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Hồ Nhất Đình		28/08/2010	10A4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	Hồ Ki Han		09/09/2010	10A4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Hồ Thị Duyên Hoài	x	02/09/2010	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
22	Đình Ngọc Hoàng		29/10/2010	10A4	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Hồ Thị Tuyết Lai	x	09/07/2010	10A4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	Hồ Xuân Lập		24/02/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Hồ Châu Kiệt Luân		10/08/2010	10A4	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Hồ Văn Mai		19/05/2010	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	Hồ Thị Diễm My	x	05/11/2010	10A4	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Hồ Thị Trà My	x	09/04/2010	10A4	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Hồ Thị Trà My	x	01/03/2009	10A4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Hồ Thị Thu Ngân	x	08/03/2010	10A4	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Hồ Thị Như	x	02/02/2010	10A4	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Hồ Thị Oanh	x	05/11/2010	10A4	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	Hồ Thị Phấn	x	04/01/2010	10A4	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Hồ Văn Quảng		06/08/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	Hồ A Sung		02/06/2010	10A4	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Hồ Văn Thắng		19/08/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Hồ Ngọc Thiên		31/05/2010	10A4	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
38	Hồ Quang Văn		17/01/2010	10A4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	Hồ Kiều Vy	x	25/10/2010	10A4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
40	Đình Thị Hồng Vy	x	12/03/2010	10A4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Hồ Thị Kim Xuyên	x	07/06/2010	10A4	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	Hồ Thị Yên	x	27/12/2010	10A4	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	Hồ Quyền Anh		13/02/2010	10A5	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	Hồ Thị Chi	x	10/06/2009	10A5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	Hồ Hân Di	x	15/07/2010	10A5	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	Hồ Xuân Dương		27/06/2010	10A5	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Hồ Văn Đạt		24/02/2010	10A5	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Hồ Thị Xuân Diễm	x	25/12/2010	10A5	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Hồ Thị Hằng	x	23/03/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Hồ Quốc Kiệt		09/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
51	Hồ Thị Lành	x	20/11/2010	10A5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
52	Hồ Thị Linh	x	10/06/2009	10A5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	Hồ Hoàng Long		21/08/2010	10A5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
54	Hồ Thị Lý	x	03/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
55	Hồ Thị A Na	x	23/11/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	Hồ Thị Bích Nghi	x	08/03/2010	10A5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
57	Hồ Xuân Ngọc		10/03/2010	10A5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	Hồ Thị Nhiên	x	09/12/2010	10A5	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Hồ Thị Quỳnh Như	x	23/10/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	Hoàng Minh Quân		08/01/2010	10A5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	Hồ Thị Diễm Quỳnh	x	13/04/2010	10A5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	Hồ Thị Diệu Thao	x	15/04/2010	10A5	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	Hồ Văn Thiên		14/09/2010	10A5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
64	Hồ Văn Tiền		04/04/2010	10A5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
65	Hồ Văn Tuy		17/09/2010	10A5	Co	Thôn Bằng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
66	Hồ Thị Lang Vy	x	28/01/2010	10A5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
67	Hồ Thị Yến	x	14/10/2010	10A5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	Hồ Hoàng Thiên Ân		15/09/2009	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
69	Hồ Anh Bum		06/01/2010	10A6	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
70	Hồ Minh Chí		01/03/2010	10A6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
71	Hồ Văn Cường		25/12/2010	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
72	Hồ Văn Danh		29/06/2010	10A6	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Hồ Thị Diệu	x	17/01/2010	10A6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Hồ Minh Dũng		01/11/2010	10A6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
75	Hồ Thị Hậu Giang	x	01/04/2010	10A6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Hồ Thị Hạ	x	14/07/2010	10A6	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
77	Hồ Thị Mỹ Lai	x	10/02/2010	10A6	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	Hồ Thị Vân Ly	x	02/04/2010	10A6	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Hồ Thị Nga	x	16/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
80	Hồ Thị Chí Nhược	x	06/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	x	05/11/2010	10A6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	Hồ Thị Sang	x	10/05/2010	10A6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
83	Hồ Thanh Thảo		01/04/2009	10A6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	Hồ Thị Thảo	x	07/01/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	Hồ Thị Kim Thương	x	10/02/2010	10A6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
86	Hồ Thị Tuyền	x	12/07/2010	10A6	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
87	Hồ Thị Kiều Vy	x	25/02/2010	10A6	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	Hồ Văn Xô		25/07/2009	10A6	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	Hồ Rót Ben		23/09/2009	10A7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Hồ Thị Hồng Diễm	x	12/11/2010	10A7	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	Hồ Thị Hà	x	21/11/2010	10A7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	Hồ Thị Thu Hòa	x	22/3/2010	10A7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	Hồ Hồng Lưu		11/2/2010	10A7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Hồ Thị Ái My	x	27/4/2010	10A7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	Hồ Thị Ngọc	x	30/11/2010	10A7	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	Hồ Anh Nhór		12/12/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	Hồ Văn Sơn		19/5/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	Hồ Thị Sương	x	16/9/2010	10A7	Co	Thôn Quế (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
99	Hồ Minh Tài		17/3/2010	10A7	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
100	Hồ Ngọc Thái		10/9/2010	10A7	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
101	Hồ Thị Thanh Thiên	x	26/8/2010	10A7	Hre	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
102	Đình Văn Thương		03/6/2010	10A7	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
103	Hồ Thị Thuyền	x	10/5/2010	10A7	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
104	Hồ Văn Trọng		09/10/2010	10A7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
105	Hồ Thị Như Việt	x	20/10/2010	10A7	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
106	Hồ Minh Vương		25/5/2010	10A7	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
107	Hồ Quang Anh		28/11/2009	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
108	Hồ Văn Chu		20/04/2010	10A8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
109	Hồ Thị Dân	x	29/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
110	Hồ Thị Diệu	x	02/02/2010	10A8	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
111	Hồ Ngọc Hào		10/01/2009	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
112	Hồ Chí Hào		01/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
113	Hồ Văn Khải		16/09/2010	10A8	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
114	Hồ Xuân Khôi		25/10/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
115	Hồ Văn Kiên		20/02/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
116	Hồ Đình Hải Lâm		15/11/2010	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
117	Hồ Thị Lan	x	05/04/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
118	Hồ Thị Lan	x	20/02/2010	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
119	Hồ Thị Loan	x	07/02/2010	10A8	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
120	Hồ Thị My	x	09/06/2010	10A8	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
121	Hồ Thị Mỹ	x	15/07/2010	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
122	Thị Ngãi	x	02/11/2008	10A8	M'nông	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
123	Hồ Thị Quỳnh Ny	x	18/05/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
124	Hồ Thị Vy Oanh	x	07/01/2010	10A8	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
125	Hồ Thị Tường Phi	x	06/11/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
126	Hồ Việt Phong		10/11/2009	10A8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
127	Hồ Thị Quỳnh	x	22/08/2010	10A8	Co	Thôn Tang (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
128	Hồ Văn Rít		30/10/2010	10A8	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
129	Hồ Thị Lan Thanh	x	26/04/2010	10A8	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
130	Hồ Long Thêm		16/06/2010	10A8	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
131	Hồ Thị Thêm	x	11/03/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
132	Hồ Thị Kim Thùy	x	21/08/2010	10A8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
133	Hồ Văn Tịnh		02/03/2010	10A8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
134	Hồ Minh Toàn		25/03/2010	10A8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
135	Hồ Thị Trang	x	26/01/2010	10A8	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
136	Hồ Văn Triết		15/08/2010	10A8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
137	Hồ Thị Tâm Tuệ	x	25/11/2010	10A8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
138	Hồ Văn Tuyền		30/11/2009	10A8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
139	Đinh Thị Như Ý	x	12/09/2010	10A8	H'rê	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
140	Hồ Văn An		09/09/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
141	Hồ Thị Mai Anh	x	07/09/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
142	Hồ Thị Diệu Châu	x	18/03/2010	10A9	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
143	Hồ Thị Thuý Duyên	x	27/11/2010	10A9	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
144	Hồ Thị Diệp	x	23/03/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
145	Hồ Thị Bích Hân	x	06/04/2010	10A9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
146	Hồ Thị Hằng	x	16/11/2010	10A9	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
147	Hồ Gia Hào		17/07/2010	10A9	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
148	Hồ A Hạo		25/11/2010	10A9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
149	Hồ Văn Huay		02/09/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
150	Hồ Minh Huy		22/08/2010	10A9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
151	Hồ Vũ Khang		03/01/2009	10A9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
152	Hồ Văn Kháng		05/05/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
153	Hồ Sơn Lịch		07/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
154	Hồ Thị Như Ly	x	05/05/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
155	Lò Hồ Nguyên Mạnh		23/12/2010	10A9	Thái	Thôn Trà Xuông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
156	Hồ Thị Thủy Ngân	x	06/10/2009	10A9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
157	Hồ Thị Ngọc	x	10/01/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
158	Hồ Thái Nhục		15/06/2010	10A9	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
159	Hồ Mạnh Ninh		16/02/2010	10A9	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
160	Hồ Thị Diệu Nương	x	05/02/2010	10A9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
161	Hồ Tý Nỵ	x	04/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
162	Hồ Phú Quang		22/09/2010	10A9	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
163	Hồ Thị Như Quỳnh	x	09/05/2010	10A9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
164	Hồ Thị Sang	x	04/04/2010	10A9	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
165	Hồ Thị Minh Thư	x	01/09/2010	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
166	Hồ Thị Mỹ Trang	x	25/03/2010	10A9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
167	Hồ Thị Cẩm Tú	x	09/11/2010	10A9	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
168	Hồ Quân Tường		04/10/2009	10A9	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
169	Hồ Thị Tuyết	x	05/04/2010	10A9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
170	Hồ Thị Như Yên	x	19/09/2010	10A9	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
171	Hồ Thị Thanh Diệu	x	30/08/2010	10A10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
172	Hồ Quỳnh Duyên	x	23/04/2010	10A10	Co	Thôn Trà Huynh, (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
173	Hồ Văn Đạt		24/10/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
174	Hồ Văn Giang		12/05/2009	10A10	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
175	Hồ Thị Giang	x	30/05/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
176	Hồ Thị Cẩm Hân	x	15/06/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
177	Hồ Thị Hằng	x	25/06/2010	10A10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
178	Hồ Thị Hào	x	17/11/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
179	Hồ Bảo Hưng		12/12/2010	10A10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
180	Hồ Jun Huy		14/11/2010	10A10	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
181	Hồ Việt Khang		02/05/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
182	Hồ Văn Khánh		14/07/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
183	Hồ Văn Khoan		24/09/2010	10A10	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
184	Hồ Cu La		09/03/2010	10A10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
185	Hồ Văn Mưa		07/02/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
186	Hồ Thị My	x	30/03/2010	10A10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
187	Hồ Thị A Na	x	20/08/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
188	Hồ Thị Kim Ngân	x	29/10/2010	10A10	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
189	Hồ Quỳnh Như	x	15/02/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
190	Hồ Thị Nữ	x	10/09/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
191	Hồ Văn Qua		01/02/2010	10A10	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
192	Hồ Cao Thiên		14/03/2010	10A10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
193	Hồ Xuân Thọ		04/02/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
194	Hồ Thị Thư	x	10/07/2010	10A10	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
195	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	29/01/2010	10A10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
196	Hồ Văn Toàn		10/11/2010	10A10	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
197	Hồ Thị Trà	x	10/09/2010	10A10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
198	Hồ Thị Thùy Trâm	x	02/10/2010	10A10	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
199	Hồ Thị Trang	x	15/03/2010	10A10	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
200	Hồ Văn Bốn Vẻ		28/02/2010	10A10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
201	Hồ Thị Xiêm	x	29/09/2010	10A10	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
202	Hồ Minh Trúc		07/11/2009	11B1	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
203	Hồ Thị Chờ	x	07/01/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
204	Hồ Thị Diễm	x	14/4/2009	11B2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
205	Hồ Thị Thanh Huyền	x	01/06/2009	11B2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
206	Hồ Hoàng Kiệt		20/02/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
207	Hồ Thị Ly	x	27/9/2009	11B2	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
208	Hồ Vi Nhật		29/10/2009	11B2	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
209	Hồ Hạ Ny	x	28/3/2009	11B2	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
210	Hồ Thị Thảo	x	14/4/2009	11B2	Co	Thôn Trà Ong (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
211	Hồ Như Thúy	x	30/9/2009	11B2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
212	Hồ Thị Minh Tiến	x	14/8/2009	11B2	Co	Thôn Trà Xương (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
213	Hồ Văn Tịnh		18/12/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
214	Hồ Bảo Trọng		01/08/2009	11B2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
215	Hồ Thanh Tuấn		23/5/2009	11B2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
216	Hồ Thị Tuệ	x	17/2/2009	11B2	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
217	Hồ Đình Vỹ		15/01/2009	11B2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
218	Hồ Ái Ngọc	x	07/01/2009	11B3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
219	Hồ Thiên An	x	21/10/2009	11B3	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
220	Hồ Hoàng Anh		27/08/2009	11B4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
221	Hồ Thị Diễm	x	27/01/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
222	Hồ Thị Thu Hà		18/07/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
223	Hồ Văn Hậu		05/5/2009	11B4	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
224	Nguyễn Hồ Đăng Khoa		05/10/2009	11B4	Bana	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
225	Hồ Anh Khoa		17/06/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
226	Hồ Thị Khuê	x	02/02/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
227	Hồ Văn Kỳ		04/09/2008	11B4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
228	Hồ Thanh Kỳ		05/11/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
229	Hồ Xuân Lập		17/09/2009	11B4	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
230	Hồ Thị Lợi	x	9/3/2009	11B4	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
231	Hồ Thị Ngọc	x	30/10/2009	11B4	Co	Thôn Trà Lương (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
232	Hồ Thị Tâm Như	x	14/04/2009	11B4	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
233	Hồ Thị Phải	x	24/09/2009	11B4	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
234	Hồ Thị Ly Quyền	x	14/03/2009	11B4	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
235	Hồ Đình Minh Thư	x	16/02/2009	11B4	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
236	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	18/12/2009	11B4	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
237	Hồ Thanh Tinh		25/01/2009	11B4	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
238	Hồ Thị Yến Vy	x	08/06/2009	11B4	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
239	Hồ Thị Yến	x	04/05/2009	11B4	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
240	Hồ Thị Lan Anh	x	25/10/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
241	Đình Hồ Quảng Bình		06/07/2009	11B5	Bana	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
242	Hồ Thị Nhã Ca	x	02/04/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
243	Hồ Thị Kiều Diễm	x	08/08/2008	11B5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
244	Hồ Thị Diệp	x	07/02/2009	11B5	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
245	Hồ Minh Đan		02/02/2009	11B5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
246	Hồ Văn Đạt		15/04/2009	11B5	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
247	Hồ Trung Đình		08/12/2009	11B5	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
248	Hồ Thị Kim Hậu	x	13/02/2009	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
249	Hồ Thị Phương Hiện	x	10/3/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
250	Hồ Thị Linh Hiệp	x	02/02/2009	11B5	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
251	Hồ Thị Thanh Huyền	x	26/09/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
252	Hồ Thị In In	x	20/02/2009	11B5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
253	Hồ Bảo Khải		08/09/2009	11B5	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
254	Hồ Văn Khiêm		07/10/2008	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
255	Hồ Thị Khuê	x	13/10/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
256	Hồ Thị Loan	x	27/08/2009	11B5	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
257	Hồ Thị Mến	x	23/09/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
258	Hồ Thị Nga	x	29/09/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
259	Hồ Thị Ngân	x	25/02/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
260	Hồ Thị Bảo Ngọc	x	08/08/2009	11B5	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
261	Hồ Huê Duy Nguyễn		03/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
262	Hồ Văn Nhạc		06/02/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
263	Hồ Thị Như	x	24/01/2009	11B5	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
264	Hồ Thị Yên Như	x	01/10/2009	11B5	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
265	Hồ Hà Li Sa	x	17/10/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
266	Hồ Thị Ý Thơ	x	10/10/2009	11B5	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
267	Hồ Bảo Thoại		27/02/2009	11B5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
268	Hồ Thị Tịnh	x	26/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
269	Hồ Thị Kim Trúc	x	08/09/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
270	Hồ Ngọc Tú		29/05/2009	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
271	Hồ Thị Tư	x	14/11/2008	11B5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
272	Hồ Thị Kim Tuyền	x	20/05/2009	11B5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
273	Hồ Thị Ý	x	16/06/2009	11B5	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
274	Hồ Việt Anh		27/11/2009	11B6	Co	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
275	Hồ Thị Bông	x	24/4/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
276	Hồ Thị Quyền Cường	x	19/04/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
277	Hồ Thị Diễm	x	01/09/2009	11B6	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
278	Hồ Cao Đạt		10/02/2009	11B6	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
279	Hồ Văn Gòn		08/01/2009	11B6	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
280	Hồ Kha Hàng		16/07/2009	11B6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
281	Hồ Thị Thu Hằng	x	13/04/2009	11B6	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
282	Hồ Thị Bích Hữu	x	05/04/2009	11B6	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
283	Hồ Thị Huyền	x	15/05/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
284	Hồ Văn Khải		03/03/2009	11B6	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
285	Hồ Văn Lân		09/01/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
286	Hồ Thị Bé Linh	x	13/08/2009	11B6	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
287	Hồ Bảo Long		08/10/2009	11B6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
288	Hồ Trần Ka Vi Na	x	04/06/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
289	Hồ Thị Ly Na	x	21/11/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
290	Hồ Thị Nhi	x	12/09/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
291	Hồ Thị Triệu Ni	x	18/01/2009	11B6	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
292	Hồ Thị Sân	x	23/02/2009	11B6	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
293	Hồ Thái Sinh		24/02/2009	11B6	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
294	Hồ Thị Thắm	x	16/06/2009	11B6	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
295	Hồ Thị Ý Thơ	x	19/09/2009	11B6	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
296	Hồ Thị Thơm	x	25/08/2009	11B6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
297	Hồ Thị Thuỷ	x	12/05/2009	11B6	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
298	Hồ Thị Việt Thy	x	14/06/2009	11B6	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
299	Hồ Văn Tin		30/08/2009	11B6	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
300	Hồ Thị Tiêu Tình	x	19/05/2009	11B6	Co	Thôn Môn (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
301	Hồ Thị Trúc	x	12/09/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
302	Hồ Thượng Uyên	x	09/10/2009	11B6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
303	Hồ Thị Triều Vy	x	28/05/2009	11B6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
304	Hồ Thị Như Ý	x	20/04/2009	11B6	Co	Thôn Trà Xuông (Xã Sơn Trà), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
305	Phạm Hà Quốc Anh		05/07/2009	11B7	Mường	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
306	Hồ Thị Bé	x	16/04/2009	11B7	Co	Thôn Cua (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
307	Nguyễn Thị Thanh Hiệ	x	04/07/2009	11B7	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
308	Đinh Thị Hoài	x	10/08/2009	11B7	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
309	Hồ Duy Khoa		23/04/2009	11B7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
310	Triệu Thị Lành	x	17/02/2009	11B7	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
311	Hồ Văn Lượng		05/05/2009	11B7	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
312	Đinh Thị Ly	x	04/12/2009	11B7	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
313	Hồ Hoàng Phát		15/10/2009	11B7	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
314	Lưu Thị Mộng Quỳnh	x	01/08/2009	11B7	Tày	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
315	Hồ Minh Tuyền		28/10/2009	11B7	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
316	Hồ Châu Lập		20/05/2009	11B8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
317	Hồ Thị My	x	24/03/2009	11B8	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
318	Hồ Thị Hiếu Ngân	x	09/12/2009	11B8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
319	Hồ Thị Quỳnh Như	x	13/03/2009	11B8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
320	Hồ Thị Tiếng	x	13/09/2009	11B8	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
321	Hồ Thanh Trọng		11/06/2009	11B8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
322	Hồ Thị Như Ý	x	15/10/2009	11B8	Co	Thôn Trà Nga (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
323	Hồ Thị Bình	x	04/02/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
324	Hồ Song Cát		18/11/2009	11B9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
325	Hồ Thị Diễm	x	09/05/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
326	Hồ Tiểu Diên	x	21/07/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
327	Hồ Thị Mỹ Diệp	x	03/11/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
328	Hồ Thái Đình		15/06/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
329	Hồ Thị Phương Dung	x	19/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
330	Hồ Văn Duy		15/1/2008	11B9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
331	Hồ Thị Kim Hậu	x	10/07/2009	11B9	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
332	Hồ Thanh Huy		03/01/2009	11B9	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
333	Hồ Minh Khương		7/12/2009	11B9	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
334	Hồ A Kin		13/03/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
335	Hồ Thị Tuyết Lâm	x	06/05/2009	11B9	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
336	Hồ Thị Minh Lư	x	06/07/2009	11B9	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
337	Hồ Châu Diệu Ly	x	15/7/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
338	Hồ Hoàng Mạnh		22/05/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
339	Hồ Đào Gia My	x	17/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
340	Hồ Thị Ngân	x	30/12/2009	11B9	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
341	Hồ Văn Nguyễn		9/1/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
342	Hồ Thị Quỳnh Như	x	21/04/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
343	Hồ Thị Quỳnh Như	x	13/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
344	Hồ Thị Non	x	09/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
345	Quách Văn Phát		02/03/2009	11B9	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
346	Hồ Thị Như Quỳnh		08/6/2008	11B9	Co	Thôn Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
347	Hồ Văn Sư		01/10/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
348	Hồ A Thực		19/09/2009	11B9	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
349	Hồ Thị Thủy Tình	x	26/06/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
350	Hồ Thị Thu Trà	x	04/09/2009	11B9	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
351	Hồ Văn Út		28/01/2009	11B9	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
352	Hồ Thị Hà Vy	x	14/04/2009	11B9	Co	Thôn Trà Vân (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
353	Hồ Thị Như Ý	x	21/07/2009	11B9	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
354	Hồ Văn Đại		01/07/2009	11B10	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
355	Hồ Xuân Đợi		19/07/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
356	Hồ Thị Giang	x	06/04/2009	11B10	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
357	Hồ Minh Hải		23/07/2009	11B10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
358	Hồ Thanh Hậu		06/10/2008	11B10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
359	Triệu Vĩnh Hưng		12/05/2009	11B10	Tày	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
360	Hồ Thanh Khiêm		23/06/2009	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
361	Hồ Thị Lệ	x	11/06/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
362	Hồ Na Ô Mí	x	16/09/2009	11B10	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
363	Hồ Duy Mông		12/06/2009	11B10	Co	Thôn Bãng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
364	Hồ Thị Na	x	20/02/2009	11B10	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
365	Hồ Thị Thanh Nga	x	07/01/2009	11B10	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
366	Hồ Thị Thủy Nhã	x	26/07/2009	11B10	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
367	Đinh Thị Nhi	x	16/12/2009	11B10	Cadong	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
368	Hồ Thị Nhật Ni	x	04/11/2009	11B10	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
369	Hồ Thị Oanh	x	29/12/2009	11B10	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
370	Hồ Thị Quyên	x	16/01/2009	11B10	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
371	Hồ Thị Quyền	x	15/06/2009	11B10	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
372	Hồ Thị Quỳnh	x	22/11/2009	11B10	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
373	Hồ Xuân Thao		13/05/2009	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
374	Hồ Thị Thêm	x	10/5/2009	11B10	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
375	Hồ Thị Cẩm Tiên	x	31/07/2009	11B10	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
376	Hồ Thị Quỳnh Trang	x	26/01/2009	11B10	Co	Thôn Quế (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
377	Hồ Văn Trí		11/10/2009	11B10	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
378	Hồ Phúc Tự		23/10/2009	11B10	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
379	Hồ Văn Tuấn		12/09/2009	11B10	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
380	Hồ Minh Tuyền		05/03/2009	11B10	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
381	Hồ Thị Thụy Uyên	x	04/05/2009	11B10	Co	Thôn Cưa (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
382	Hồ Thị Uyên	x	01/01/2009	11B10	Co	Thôn Tang (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
383	Hồ Xuân Vĩ		06/12/2008	11B10	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
384	Hồ Văn Vũ		10/9/2009	11B10	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
385	Triệu Thị Kiều	x	31/08/2008	12C1	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
386	Hồ Hà Tiểu Quyên	x	06/07/2008	12C1	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
387	Hồ Thị Ngọc Bích	x	17/07/2008	12C2	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
388	Hồ Phiêu Bình		21/11/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
389	Hồ Thị Cẩm	x	02/02/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
390	Hồ Thị Duyên	x	01/12/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
391	Hồ Thị Giang	x	09/09/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
392	Hồ Thị Ngân Hà	x	13/11/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
393	Hồ Thị Thủy Hằng	x	04/07/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
394	Hồ Thanh Hoài		22/03/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
395	Hồ Văn Khang		13/03/2008	12C2	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
396	Hồ Văn Khoái		10/9/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
397	Hồ Văn Khuyến		09/6/2008	12C2	Co	Thôn Bằng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
398	Hồ Thị Hằng Kỳ	x	04/10/2008	12C2	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
399	Hồ Tiềm Lập		28/09/2008	12C2	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
400	Hồ Thị Lin	x	16/6/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
401	Hồ Thị Yến Linh	x	16/4/2008	12C2	Co	Thôn Trà Liên (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
402	Hồ Trúc Luân		14/02/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
403	Hồ Thị Thủy Ly	x	29/04/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
404	Đình Thị Hà My	x	09/11/2008	12C2	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
405	Triệu Diễm My	x	03/06/2008	12C2	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
406	Hồ Thị Ly Na	x	20/02/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
407	Hồ Văn Nam		26/6/2008	12C2	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
408	Hồ Thị Thu Nguyệt	x	14/4/2008	12C2	Giê- Triêng	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
409	Hồ Thị Nhi	x	03/08/2008	12C2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
410	Hồ Thị Phương Nhi	x	28/07/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
411	Hồ Văn Ninh		18/12/2007	12C2	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
412	Hồ Thiên Phiên		24/10/2008	12C2	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
413	Hồ Thị Quỳnh Phước	x	26/3/2008	12C2	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
414	Hồ Thị Phương	x	29/07/2008	12C2	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
415	Hồ Thị Na Ra	x	04/04/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
416	Hồ Thị Mỹ Tâm	x	02/01/2008	12C2	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
417	Hồ Văn Thanh		07/07/2008	12C2	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
418	Hồ Thị Thư	x	15/11/2008	12C2	Co	Thôn Trà Huỳnh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
419	Hồ Thị Thùy	x	26/09/2008	12C2	Co	Thôn 6 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
420	Hồ Thị Uyên Thùy	x	07/11/2008	12C2	Co	Thôn 2 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
421	Hồ Thị Trà	x	22/02/2008	12C2	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
422	Hồ Thị Trâm	x	20/05/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1		1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
423	Hồ Văn Trúc		10/09/2008	12C2	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
424	Hồ Thị Kim Vy	x	08/09/2008	12C2	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
425	Hồ Thị Ly Xa	x	02/12/2008	12C2	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
426	Hồ Thị Như Ý	x	14/09/2007	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
427	Hồ Thị Kim Yên	x	08/8/2008	12C2	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
428	Hồ Vương Kiệt		03/04/2008	12C3	Co	Thôn 3 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
429	Hồ Văn Bưởi		11/06/2007	12C4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
430	Hồ Thị Kim Chi	x	24/10/2008	12C4	Co	Thôn Kà Tinh (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
431	Hồ Thanh Chiến		20/07/2007	12C4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
432	Hồ Thị Mĩ Diệp	x	08/04/2008	12C4	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
433	Hồ Hải Dương		07/01/2006	12C4	Co	Thôn 4 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
434	Hồ Mỹ Duyên	x	09/10/2008	12C4	Co	Thôn Trà Khương (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
435	Triệu Hồ Thị Hàng	x	02/10/2008	12C4	Tày	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
436	Hồ Thị Mỹ Hạnh	x	23/04/2008	12C4	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
437	Hồ Anh Huy		21/10/2008	12C4	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
438	Hồ Văn Kiệt		20/02/2008	12C4	Co	Thôn Cà Đam (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
439	Hồ Thanh Long		20/10/2008	12C4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
440	Hồ Thị Luyện	x	30/03/2008	12C4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
441	Hồ Văn Nhân		25/04/2008	12C4	Co	Thôn Cát (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
442	Hồ Thị Quỳnh	x	29/05/2008	12C4	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
443	Hồ Su Ran		10/04/2008	12C4	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
444	Hồ Thanh Xuân		01/01/2008	12C4	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
445	Hồ Kỳ Châu		01/01/2008	12C5	Co	Thôn Hà Riêng (Xã Trà Phong), Xã Tây Trà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
446	Hồ Văn Dinh		06/03/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
447	Hồ Văn Dinh		13/01/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
448	Hồ Văn Đức		03/02/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
449	Hồ Thị Hân	x	01/11/2008	12C5	Co	Thôn Trà Huynh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
450	Hồ Văn Khoa		30/05/2007	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
451	Hồ Thị Kiều	x	18/01/2007	12C5	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
452	Hồ Trần Khánh Nhật		26/05/2008	12C5	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
453	Hồ Thị Nhi Như	x	12/05/2008	12C5	Co	Thôn Trà Linh (Xã Hương Trà), Xã Tây Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
454	Hồ Thị Y Phương	x	28/08/2008	12C5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
455	Hồ Văn Quốc		15/07/2008	12C5	Co	Thôn Gổ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
456	Hồ Thị Quyền	x	03/10/2008	12C5	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
457	Hồ Lô Ríc		16/07/2008	12C5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
458	Trương Hồ K Thơ	x	06/04/2008	12C5	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
459	Đinh Thị Trang	x	19/12/2008	12C5	Hrê	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
460	Hồ Xuyên Trường		30/10/2008	12C5	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
461	Hồ Đặng Duy Trường		14/12/2008	12C5	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
462	Hồ Thị Minh Tuệ	x	07/06/2008	12C5	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
463	Hồ Thị Như Ý	x	05/05/2008	12C5	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
464	Hồ Thị Thúy Ngọc Hà	x	14/09/2008	12C6	Co	Thôn Trà Hoa (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
465	Hồ Văn Hào		09/10/2008	12C6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
466	Hồ Tịnh Hào		02/09/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
467	Hồ Thanh Kỳ		08/08/2008	12C6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
468	Hồ Thị Luy	x	10/09/2008	12C6	Co	Thôn Cà (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
469	Hồ Thị Năn	x	10/12/2008	12C6	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
470	Lê Thị Mậu Nhi	x	22/09/2008	12C6	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
471	Hồ Văn Quang		04/08/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
472	Hồ Thị Thảo	x	26/07/2008	12C6	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
473	Hồ Thị Thiệp	x	30/08/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
474	Hồ Thị Thủy Tiên	x	11/12/2008	12C6	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
475	Hồ Văn Trì		10/10/2007	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
476	Hồ Quốc Viễn		20/07/2008	12C6	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
477	Hồ Văn Vũ		16/03/2008	12C6	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
478	Hồ Khánh Duy		24/06/2008	12C7	Co	Thôn Bắc 2 (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
479	Hồ Thị Mỹ Giao	x	19/11/2008	12C7	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
480	Hồ Thị Hà Lin	x	17/08/2008	12C7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
481	Nguyễn Xê Nê	x	14/06/2008	12C7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
482	Hồ Thị Kiều Ngân	x	02/10/2008	12C7	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
483	Hồ Thị Ngọc Nhuận	x	03/01/2008	12C7	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
484	Hồ Xuân Quyển		22/03/2008	12C7	Co	Thôn 1 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
485	Đình Văn Sy		14/10/2008	12C7	Hrê	Thôn Niên (Xã Trà Bù), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
486	Hồ Văn Thái		01/04/2008	12C7	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
487	Hồ Thị Trang	x	13/10/2008	12C7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
488	Trương Hồng Tú		27/12/2008	12C7	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1			1	936.000		15	9	8.424.000	-	135	
489	Hồ Ngọc Tuấn		27/12/2008	12C7	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
490	Hồ Duy Tùng		10/09/2007	12C7	Co	Thôn Sơn Thành (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
491	Hồ Thị Tỷ	x	20/08/2008	12C7	Co	Thôn Gõ (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
492	Hồ Thị Bảo Ân	x	15/08/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
493	Hồ Duy Bảo		01/08/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
494	Hồ Thị Kiều Diễm	x	14/05/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
495	Hồ Duy Đình		09/11/2008	12C8	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
496	Hồ Thị Thanh Hân	x	09/03/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
497	Lê Thị Anh Hoa	x	25/01/2008	12C8	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
498	Đinh Thị Minh Hòa	x	31/03/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
499	Hồ Như Hoài		09/11/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
500	Hồ Tấn Hoàng		04/02/2008	12C8	Co	Thôn Tây (Xã Trà Bùì), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
501	Hồ Văn Huy		12/11/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
502	Hồ Thị Mai Ka	x	10/02/2008	12C8	Co	Thôn Niên (Xã Trà Bùi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
503	Hồ Văn Kha		10/06/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
504	Hồ Ngọc Khải		26/07/2008	12C8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
505	Hồ Đình Khang		28/8/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
506	Hồ Văn Kim		29/03/2008	12C8	Co	Thôn Trung (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
507	Hồ Thị Hà Linh	x	14/9/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
508	Hồ Đức Minh		29/12/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
509	Hồ Thị Thảo My	x	13/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
510	Hồ Thị Bé Ngọc	x	22/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
511	Hồ Thị Ni	x	29/12/2008	12C8	Co	Thôn Trà Xanh (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
512	Hồ Thị Mỹ Niên	x	06/05/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
513	Hồ Văn Phi		02/01/2008	12C8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
514	Hồ Thị Quyền	x	10/10/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
515	Đình Tiên Sơn		09/12/2008	12C8	Co	Thôn 3 (Xã Trà Thủy), Xã Trà Bồng		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
516	Hồ Văn Sơn		21/07/2008	12C8	Co	Thôn Sơn Bàn (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
517	Hồ Văn Tài		01/06/2008	12C8	Co	Thôn Vuông (Xã Trà Thanh), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
518	Hồ Thị Phương Thắm	x	26/01/2008	12C8	Co	Thôn 1 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
519	Đinh Văn Thìn		13/05/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Biện (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
520	Đinh Văn Tiến		06/09/2008	12C8	Hrê	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
521	Hồ Văn Tình		13/03/2008	12C8	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
522	Hồ Thị Diệu Trâm	x	05/03/2008	12C8	Co	Thôn Niên (Xã Trà Búi), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
523	Hồ Văn Trí		27/11/2008	12C8	Co	Thôn Bằng (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
524	Hồ Văn Triều		18/6/2008	12C8	Co	Thôn Nguyên (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
525	Hồ Thị Trúc	x	15/06/2008	12C8	Co	Thôn Cả (Xã Trà Hiệp), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
526	Hồ Thành Trung		03/11/2008	12C8	Co	Thôn 2 (Xã Trà Giang), Xã Đông Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
527	Hồ Thị Ly Ty	x	20/01/2008	12C8	Co	Thôn Bắc (Xã Trà Sơn), Xã Trà Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
528	Hồ Thị Chin Xu	x	07/11/2008	12C8	Co	Thôn Trà Lạc (Xã Trà Lâm), Xã Thanh Bồng	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Trường THPT Ba Gia (02)						2	-	-	-	936.000	360.000	15	9	16.848.000	6.480.000	270	
1	Hồ Trần Bảo Thy	x	07/04/2010	10A4	Co	Thôn Trường Giang (Xã Trà Tân) xã Cà Đam-Quảng Ngãi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Hà Cherring	x	19/09/2009	11B4	Mường	Thôn Trà Ngon (Xã Trà Tân) xã Cà Đam- Quảng Ngãi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia (09 học sinh)						9	-	-	-	936.000	360.000	15	9	75.816.000	29.160.000	1.215	
1	Hồ Duy Luân		10/06/2010	10C	Co	Thôn Trà Ót (Xã Trà Tân), Xã Cà Đam	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	